

Nghiên cứu

DOI: 10.59715/pntjimp.3.4.20

Tỷ lệ tổn thương do vật sắc nhọn y tế ở sinh viên cử nhân điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2024 và một số yếu tố liên quan

Võ Vĩ Khang¹, Lê Thiện Khiêm²

¹Khoa Y tế Công cộng, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

²Bộ môn Sức khỏe Môi trường và Lao động, Khoa Y tế Công cộng, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Tóm tắt

Mục tiêu: Mô tả tỷ lệ tổn thương do vật sắc nhọn y tế ở sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2024 và xác định một số yếu tố liên quan giữa tỷ lệ tổn thương do vật sắc nhọn y tế với thông tin chung của sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2024.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang thực hiện trên 261 sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 trong năm học 2023-2024. Chọn mẫu toàn bộ 266 sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4. Sử dụng thống kê mô tả đối với các biến số đặc điểm đối tượng nghiên cứu. Sử dụng phép kiểm định Chi bình phương để tìm mối liên quan giữa tỷ lệ tổn thương do vật sắc nhọn y tế với đặc điểm của đối tượng nghiên cứu. Bộ công cụ thu thập số liệu tham khảo và sử dụng bộ câu hỏi giấy soạn sẵn.

Kết quả: Có 73,18% sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 đã từng bị tổn thương VSN trong thực hành lâm sàng trong đó nhóm tổn thương từ 1 - 5 lần chiếm 69,73% và > 5 lần chiếm 3,45%.

Kết luận: Có 73,18% sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 đã từng bị tổn thương VSN trong thực hành lâm sàng. Các nguyên nhân gây tai nạn cho sinh viên hàng đầu đó là sinh viên phải làm nhanh gấp chiếm 69,1%, kế tiếp là do sinh viên căng thẳng, mệt mỏi chiếm 22%. Thao tác gây ra tổn thương nhiều nhất là bẻ ống thủy tinh chiếm 51,1%.

Kiến nghị: Nhà trường cần tổ chức các buổi học truyền thông, tập huấn về xử lý tổn thương do vật sắc nhọn y tế. Cần phải lập lại chương trình tập huấn cho sinh viên năm 3 và năm 4 chuẩn bị hoặc đã và đang tham gia thực tập lâm sàng tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế. Về phía bệnh viện, tăng cường các hoạt động hỗ trợ, hướng dẫn và giám sát quá trình thực tập của sinh viên. Bản thân mỗi sinh viên phải có ý thức bảo vệ bản thân trong việc đi lâm sàng, như tiêm ngừa đầy đủ, tuân thủ nghiêm các quy trình thao tác làm việc.

Từ khóa: Vật sắc nhọn, tổn thương, sinh viên điều dưỡng.

Abstract

Proportion of injury from sharps medical objects in bachelor of nursing students at Pham Ngoc Thach University of Medicine 2024 and some related factors

Objective: Describe the proportion of injuries caused by sharps medical objects in 3rd and 4th year nursing students at Pham Ngoc Thach University of Medicine in 2024 and identify some related factors to the proportion of injuries caused by sharps medical objects and general information of 3rd and 4th year nursing students at Pham Ngoc Thach University of Medicine in 2024.

Ngày nhận bài:

20/8/2024

Ngày phản biện:

20/9/2024

Ngày đăng bài:

20/10/2024

Tác giả liên hệ:

Võ Vĩ Khang

Email: khanghtn099

@gmail.com

ĐT: 0337516310

Subjects and methods of research: Cross-sectional study conducted on 261 3rd and 4th year nursing students in the 2023 - 2024 school year. Use descriptive statistics for research subject characteristics variables. Use the Chi-square test to find the relationship between the rate of medical sharp injuries and the characteristics of the research subjects. Toolkit for collecting reference data and using pre-prepared paper questionnaires.

Results: 73.18% of 3rd and 4th year nursing students have had VSN injuries during clinical practice, of which the group of injuries from 1 - 5 times accounts for 69.73% and > 5 times accounts for 3.45%.

Conclusions: 73.18% of 3rd and 4th year nursing students have suffered VSN injuries during clinical practice. The leading causes of accidents for students are students having to work quickly, accounting for 69.1%, followed by students being stressed and tired, accounting for 22%. The action that causes the most damage is breaking the glass tube, accounting for 51.1%.

Recommendation: Schools need to organize communication and training sessions on handling injuries caused by medical sharp objects. It is necessary to repeat the training program for 3rd and 4th year students preparing for or already participating in clinical internships at hospitals or medical facilities. On the hospital side, increase support activities, guidance and supervision of students' internship process. Each student must be aware of protecting themselves during clinical visits, such as being fully vaccinated and strictly following working procedures.

Keywords: Sharps objects, injury, nursing students.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tổn thương vật sắc nhọn là bất cứ vật nào có thể gây tổn thương xâm lấn da hoặc qua da bao gồm kim tiêm, đầu kim truyền dịch, dao mổ, thủy tinh vỡ, ống mao dẫn bị vỡ và đầu dây nẹp nha khoa bị phơi nhiễm [1]. Theo nhiều nghiên cứu, có 11% đến 50% sinh viên điều dưỡng có tiền sử tiếp xúc với các tình huống có nguy cơ nhiễm trùng liên quan đến tổn thương do vật sắc nhọn trong thời gian đào tạo Đại học [2]. Một nghiên cứu vào năm 2015 ở Trung Quốc cho thấy tỷ lệ tổn thương do kim tiêm đâm ở sinh viên điều dưỡng lên tới 60,8% [3]. Một nghiên cứu khác về phơi nhiễm và nhận thức sau phơi nhiễm ở sinh viên ĐH Y Dược TP.HCM năm 2014 cho thấy gần 60% sinh viên bị chấn thương bởi vật sắc nhọn lây nhiễm qua đường máu, tỷ lệ báo cáo sau phơi nhiễm chỉ có 43,4% [4]. Môi trường thực hành tại bệnh viện luôn hiện hữu nhiều yếu tố nguy hại và với tâm lý lo lắng, thiếu hụt kinh nghiệm, kèm theo áp lực công việc, học tập nhất là sinh viên khối điều dưỡng, đối tượng tiếp xúc nhiều nhất với thao tác trên kim tiêm [5]. Hiện tại, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch chưa có nghiên cứu nào liên quan đến thực trạng tổn thương do vật sắc nhọn y tế và một số yếu tố liên quan ở SV Điều

dưỡng nên tôi tiến hành nghiên cứu để trả lời cho câu hỏi: “Tỷ lệ tổn thương do vật sắc nhọn y tế của sinh viên Điều dưỡng năm 3 và năm 4 Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2024 là bao nhiêu? Tỷ lệ tổn thương do vật sắc nhọn y tế có liên quan với thông tin chung của sinh viên Điều dưỡng năm 3 và năm 4 tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2024 không?”

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

2.1.1. Địa điểm

Nghiên cứu được thực hiện tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch số 02 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1.2. Thời gian nghiên cứu

- Nghiên cứu thực hiện từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 07 năm 2024.
- Thời gian thu thập số liệu: Tháng 03/2024 - Tháng 04/2024.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Tiêu chí đưa vào

- + Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu, đã và đang đi tham gia thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

Tiêu chí loại ra

+ Sinh viên vắng mặt trong buổi thu thập số liệu và sau lần thứ 3 liên lạc vẫn không gặp.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: cắt ngang

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu toàn bộ 266 sinh viên Cử nhân Điều dưỡng năm 3 và năm 4 tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm học 2023 - 2024.

Trên thực tế cỡ mẫu thu thập được là 261 sinh viên tham gia.

2.5. Công cụ thu thập

Bộ công cụ thu thập dữ liệu được dựa trên bộ câu hỏi nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Nam năm 2016 với chỉ số Alpha Cronbach là 0,69 [5].

Phần A: Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu gồm 7 câu.

Phần B: Thực trạng tổn thương do vật sắc nhọn y tế gồm 8 câu.

Phần C: Kiến thức về việc phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn y tế gồm 7 câu.

Phần D: Kiến thức về việc xử trí tổn thương do vật sắc nhọn y tế gồm 6 câu.

Kiến thức về phòng ngừa và xử trí tổn thương do vật sắc nhọn y tế:

- Kiến thức đúng: Đối tượng được khảo sát trả lời đúng $\geq 70\%$ tổng số điểm của từng ý nhỏ.

- Kiến thức chưa đúng: Đối tượng được khảo sát trả lời chưa đúng $< 70\%$ tổng số điểm của từng ý nhỏ.

Kiến thức chung về phòng ngừa và xử trí tổn thương do vật sắc nhọn:

- Kiến thức đúng: Đối tượng nghiên cứu đạt được cả 2 phần kiến thức đúng về việc phòng ngừa và kiến thức đúng về xử trí tổn thương do VSN.

Kiến thức chưa đúng: Đối tượng được khảo sát có kiến thức chưa đúng khi trả lời chỉ đúng phần kiến thức về phòng ngừa hoặc chỉ trả lời đúng phần kiến thức về xử trí hoặc cả 2 phần đều chưa trả lời đúng về kiến thức phòng ngừa và xử trí tổn thương do VSN.

2.6. Phương pháp thu thập số liệu

Giải thích và phát phiếu thu thập số liệu cho sinh viên trả lời.

2.7. Phương pháp xử lý số liệu

Xử lý số liệu bằng bằng mềm SPSS 20.0. Sử dụng thống kê mô tả để mô tả đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu. Sử dụng

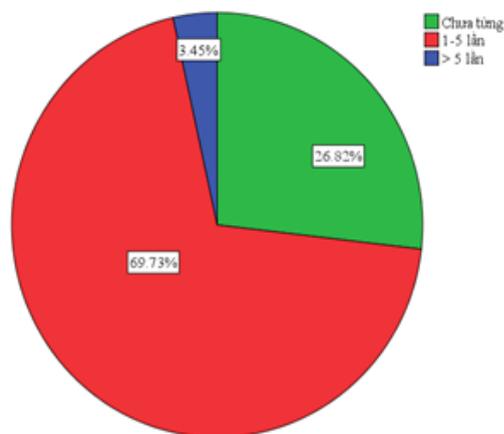
kiểm định Chi bình phương để tìm sự khác biệt giữa nhóm tỷ lệ tổn thương với các nhóm giới tính, chuyên ngành, khóa học, đi làm thêm, đã được dạy về phòng ngừa và xử trí tổn thương do vật sắc nhọn và tiêm vaccine viêm gan B. Dùng kiểm định chính xác Fisher thay cho kiểm định Chi bình phương khi $> 20\%$ các ô có giá trị vọng trị < 5 . Ngưỡng 0.05 được dùng để xác định có ý nghĩa thống kê. Lượng hóa mối liên quan bằng Prevalence Ratio (PR) tỉ số tỉ lệ hiện mắc với khoảng tin cậy (KTC) là 95% của PR không chứa 1.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Kết quả bảng 3.1 cho thấy tỷ lệ sinh viên nữ chiếm đa số là 85,4%, còn lại sinh viên nam với 14,6%. Sinh viên năm 4 và sinh viên năm 3 chiếm tỷ lệ lần lượt là 53,3% và 46,7%. Trong đó ngành điều dưỡng đa khoa chiếm tỷ lệ cao nhất là 41%, tiếp đến là ngành điều dưỡng gây mê hồi sức với 22,2% và 3 ngành còn lại là Hộ sinh, Cấp cứu ngoài bệnh viện và Phục hồi chức năng đều có tỷ lệ sinh viên chiếm trên 10% lần lượt là 15%, 10,3% và 11,5%. Toàn bộ 100% sinh viên điều dưỡng đã được hướng dẫn về nội dung phòng ngừa và xử trí phơi nhiễm nghề nghiệp do tổn thương VSN. Tỷ lệ sinh viên có đi làm thêm về lĩnh vực chuyên ngành tại những phòng khám hoặc cơ sở y tế chiếm 14,9%. Gần 80% sinh viên đã có tiêm vaccine viêm gan B khi tham gia thực hành lâm sàng.

3.2. Thực trạng tổn thương do vật sắc nhọn y tế



Biểu đồ 1. Biểu đồ thực trạng tổn thương do vật sắc nhọn (n=261)

Trong tổng số 261 sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 tham gia nghiên cứu, có gần 70% sinh viên đã từng bị tổn thương do vật sắc nhọn từ 1-5 lần và tỷ lệ sinh viên bị tổn thương >5 lần là 3,45%. Tỷ lệ sinh viên chưa từng bị tổn thương do vật sắc nhọn chiếm 26,8%.

Bảng 1. Đặc điểm tổn thương do vật sắc nhọn (n=191)

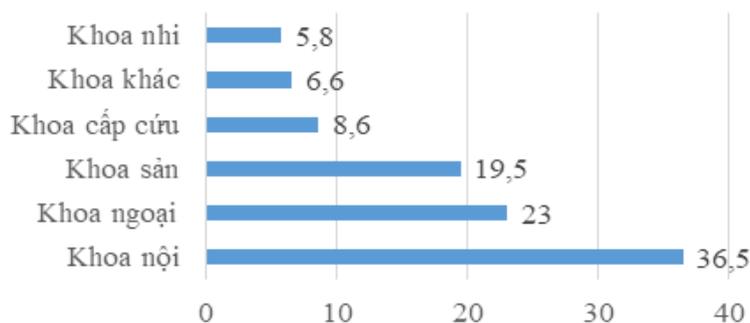
Nội dung		Tần số	Tỷ lệ (%)
Tình trạng VSN	Kim tiêm, VSN sạch	147	77,0
	Kim tiêm, VSN nhiễm	25	13,1
	Không rõ	19	9,9
Nguyên nhân	Làm nhanh, gấp	132	69,1
	Căng thẳng, mệt mỏi	42	22,0
	Không tuân thủ quy trình, kĩ thuật	12	6,3
	Khác	5	2,6
Thời gian	Sáng	92	48,3
	Trưa	12	6,0
	Chiều	17	9,0
	Trực đêm	70	36,7

Có 77% sinh viên trên tổng số 191 sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 đã từng bị tổn thương do VSN với tình trạng kim tiêm, VSN sạch. Với tình trạng kim tiêm, VSN nhiễm có 13,1% sinh viên bị tổn thương. Còn lại, gần 10% là sinh viên không rõ là tình trạng kim tiêm, VSN sạch hay nhiễm. Thời gian sinh viên bị tổn thương chủ yếu vào buổi sáng với tỷ lệ là 48,3%, kế đến là vào trực đêm với 36,7%. Thấp nhất là vào buổi trưa với 6%.

Bảng 2. Tỷ lệ các loại VSN gây tổn thương cho sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 (n=283 lần)

Loại kim, vật sắc nhọn	Tần số	Tỷ lệ
	(n)	(%)
Kim tiêm	136	48,0
Kim lòn	46	16,3
Kim rút máu	43	15,2
Kim bướm	31	11,0
Khác	27	9,5

Các loại kim, vật sắc nhọn như kim tiêm, kim lòn, kim rút máu là những vật thường gây thương tích cho sinh viên. Trong đó gần 48% là kim tiêm, kế tiếp là kim lòn, kim rút máu và kim bướm lần lượt là 16,3%, 15,2% và 11%. Các loại vật sắc nhọn khác như mảnh thủy tinh, ống thuốc, kim châm cứu... chiếm 9,5%.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ khoa thực hành xảy ra tổn thương do VSN (n=257 lần)

Trong những khoa sinh viên thực hành thì khoa nội là khoa xảy ra tổn thương chiếm tỷ lệ lần chọn nhiều nhất là 36,5%, kế đến là khoa ngoại với 23%. Khoa chiếm tỷ lệ lần chọn thấp nhất là khoa nhi với 5,8%. Ngoài ra còn các khoa khác như khoa nhiễm, khoa gây mê hồi sức,... chiếm 6,6%.

3.3. Một số yếu tố liên quan giữa tỷ lệ tổn thương do vật sắc nhọn y tế với đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Bảng 3. Mối liên quan giữa tỷ lệ tổn thương do vật sắc nhọn y tế và đặc điểm thông tin chung của sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 (n=261)

Đặc điểm	Thực trạng tổn thương do VSN			
	Đã từng n (%)	Chưa từng n (%)	p	PR (KTC 95%)
Giới tính				
Nam	27 (71,1%)	11 (28,9%)	0,749	0,97 (0,78-1,20)
Nữ	164 (73,5%)	59 (26,5%)		1
Khóa học				
Năm 3	91 (74,6%)	31 (25,4%)	0,630	1,04 (0,90-1,20)
Năm 4	100 (71,9%)	39 (28,1%)		1
Chuyên ngành				
Điều dưỡng Đa khoa	69 (64,5%)	38 (35,5%)		1
Điều dưỡng Hộ sinh	38 (97,4%)	1 (2,6%)	< 0,001	1,51 (1,30-1,76)
Điều dưỡng Gây mê hồi sức	45 (77,6%)	13 (22,4%)	0,082	1,20 (0,99-1,47)
Điều dưỡng Cấp cứu ngoài bệnh viện	18 (66,7%)	9 (33,3%)	0,832	1,03 (0,76-1,40)
Điều dưỡng Phục hồi chức năng	21 (70%)	9 (30%)	0,574	1,09 (0,83-1,43)
Đi làm thêm				
Có	34 (87,2%)	5 (12,8%)	0,032	1,23 (1,06-1,43)
Không	157 (70,7%)	65 (29,3%)		1
Đã tiêm Vaccine VGB				
Có	146 (71,2%)	59 (28,8%)	0,171	0,89 (0,76-1,04)
Không (không biết rõ, không nhớ, chưa tiêm)	45 (80,4%)	11 (19,6%)		1

Kết quả bảng 3.3 cho thấy tỷ lệ sinh viên đã từng bị tổn thương do VSN ở chuyên ngành hộ sinh bằng 1,51 lần so với sinh viên chuyên ngành đa khoa, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$ và KTC 95% là 1,30 - 1,76. Ngoài ra, tỷ lệ sinh viên điều dưỡng đã từng bị tổn thương do vật sắc nhọn có đi làm thêm về lĩnh vực chuyên ngành tại phòng khám hoặc cơ sở y tế bằng 1,23 lần so với nhóm sinh viên không đi làm thêm, sự khác biệt đó có ý nghĩa thống kê với $p = 0,032 < 0,05$ và KTC 95% là 1,06 - 1,43. Còn lại chưa tìm thấy sự khác biệt giữa các đặc điểm như giới tính, khóa học và đã tiêm vaccine VGB.

Bảng 3. 4 Mối liên quan giữa nhóm số lần tổn thương do vật sắc nhọn và đặc điểm thông tin chung của sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 (n=191)

Đặc điểm	Nhóm số lần tổn thương do VSN			
	1 - 5 lần n (%)	> 5 lần n (%)	p	PR (KTC 95%)
Giới tính				
Nam	25 (92,6%)	2 (7,4%)	0,617*	0,97 (0,87-1,08)
Nữ	157 (95,7%)	7 (4,3%)		1
Khóa học				
Năm 3	90 (98,9%)	1 (1,1%)	0,037*	1,08 (1,01-1,14)
Năm 4	92 (92%)	8 (8%)		1
Chuyên ngành				
Điều dưỡng Đa khoa	68 (98,6%)	1 (1,4%)		1
Điều dưỡng Hộ sinh	32 (84,2%)	6 (15,8%)	0,008*	0,85 (0,74-0,98)
Điều dưỡng Gây mê hồi sức	43 (95,6%)	2 (4,4%)	0,561*	0,97 (0,90-1,04)
Điều dưỡng Cấp cứu ngoài bệnh viện	18 (100%)	0	1,000*	1,01 (0,99-1,04)
Điều dưỡng Phục hồi chức năng	21 (100%)	0	1,000*	1,01 (0,99-1,04)
Đi làm thêm				
Có	33 (97,1%)	1 (2,9%)	1,000*	1,02 (0,95-1,10)
Không	149 (94,9%)	8 (5,1%)		1
Đã tiêm Vaccine VGB				
Có	140 (95,9%)	6 (4,1%)	0,442*	1,03 (0,94-1,12)
Không (không biết rõ, không nhớ, chưa tiêm)	42 (93,3%)	3 (6,7%)		1

(*) Kiểm định chính xác Fisher

Kết quả bảng 3.4 cho thấy trong số các sinh viên đã từng bị tổn thương do VSN, tỷ lệ sinh viên bị tổn thương từ 1 - 5 lần ở năm 3 bằng 1,08 lần so với sinh viên điều dưỡng năm 4, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với chỉ số $p = 0,037 < 0,05$ và KTC 95% là 1,01 - 1,14. Bên cạnh đó, trong tổng số sinh viên đã từng bị tổn thương do VSN, tỷ lệ sinh viên bị tổn thương VSN từ 1 - 5 lần ở chuyên ngành điều dưỡng hộ sinh ít hơn so với chuyên ngành điều dưỡng đa khoa bằng 0,85 lần, sự khác biệt đó có ý nghĩa thống kê với $p = 0,008 < 0,05$ và KTC 95% là 0,74 - 0,98. Phần còn lại, chưa sự khác biệt giữa giới tính, đi làm thêm và đã tiêm vaccine VGB.

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm về thực trạng tổn thương do VSN

Theo kết quả nghiên cứu (Biểu đồ 3.1), tỷ lệ sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch đã từng bị tổn thương do VSN là 73,18%. Kết quả đã có tỷ lệ tổn thương do VSN cao hơn nghiên cứu của tác giả Zhang và cộng sự (2018) ở sinh viên điều dưỡng tại Nam Kinh, Trung Quốc là 60,3% [6]. Một nghiên cứu khác, tỷ lệ này cao gấp 1,3 lần so với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Nam (2016) ở sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh là 56% [5] và nghiên cứu tại Đại học Y dược Thái Bình của tác giả Mỵ Thị Hải (2016) cho thấy tỷ lệ SV ĐD đã từng bị tổn thương do VSN là 68,9% [7] thấp hơn so với kết quả nghiên cứu trên. So với nghiên cứu của Nguyễn Thị Mỹ Phương (2020) tại Trường Đại học Y dược Cần Thơ cao gấp 1,4 lần với tỷ lệ tổn thương do VSN trong 6 tháng gần nhất là 51,4% [8]. Về nhóm số lần tổn thương (Biểu đồ 3,1), kết quả cho thấy nhóm số lần từ 1 - 5 lần chiếm 69,73% và nhóm > 5 lần chiếm 3,45% cho kết quả cao hơn với nghiên cứu của Nguyễn Văn Nam (2016) với tỷ lệ số lần tổn thương do VSN lần lượt là 53% và 3% [5]. Ngoài ra tỷ lệ tổn thương của sinh viên điều dưỡng Đại học Y khoa PNT cũng cao hơn so với sinh viên điều dưỡng ở một số nước như Mỹ 9,4%, Úc 13,9%, Ý 15%, Thổ Nhĩ Kỳ 49% [9]. Nhưng kết quả nghiên cứu đã thấp hơn nghiên cứu ở Ấn Độ (2012) với 76,4% [10].

Theo kết quả nghiên cứu (Bảng 3.1), thao tác sinh viên thực hiện trong thực hành lâm sàng gây tổn thương nhiều nhất là bê ống thủy tinh (ống nước cất, ống thuốc tiêm) chiếm 51,1%. Kết quả trên tương đồng với trong nghiên cứu trên SV ĐD Đại học Y khoa Vinh năm 2015 với bê ống thủy tinh là 51,3% [11]. Ngoài ra cũng tại Đại học Selçuk, Thổ Nhĩ Kỳ bê ống thuốc cũng là thao tác gây ra chấn tổn thương nhất lên 91,7% trong tổng số lần tổn thương [12]. Qua kết quả nghiên cứu (Bảng 3.1) cho thấy rằng kim tiêm là loại kim hay VSN gây ra tổn thương nhiều nhất với tỷ lệ 48%, tiếp đến là kim luồn 16,3%, kim rút máu 15,2%, kim bướm 11% và các loại kim khác như kim châm cứu,

mảnh thủy tinh, ống thuốc... chiếm 9,5%. Kết quả cho thấy tỷ lệ SV ĐD bị tổn thương với loại kim tiêm, kim rút máu và kim bướm cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Nam (2016) với tỷ lệ lần lượt là 35,9%, 10% và 6,8% [5]. Đối với nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Thơ ở Trường Đại Học Y khoa Vinh thì kết quả cao hơn với loại kim tiêm và kim bướm chiếm tỷ lệ 32% và 10% [11].

4.2. Một số yếu tố liên quan giữa tỷ lệ tổn thương do vật sắc nhọn y tế với đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Qua kết quả nghiên cứu (Bảng 3.4) cho thấy, có mối liên quan giữa năm học với nhóm số lần tổn thương do vật sắc nhọn. Sinh viên điều dưỡng năm 3 cao gấp 1,08 lần so với sinh viên điều dưỡng năm 4, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với chỉ số $p = 0,037 < 0,05$, $PR = 1,08$ và KTC 95% là 1,01 - 1,14. Kết quả tương đồng với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Mai Thơ (2015) với tỷ lệ sinh viên năm 3 bị tổn thương do VSN trong thực hành lâm sàng cao gấp 2,3 lần sinh viên năm 4, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê $p < 0,001$, OR hiệu chỉnh là 2,3 CI 95% (1,8;2,8). Kết quả nghiên cứu này tương tự một trường Đại học điều dưỡng ở Australia, sinh viên năm thứ 3 bị tổn thương cao gấp 14,8 lần so với các khóa khác $p < 0,01$ CI 95% (5,2 - 50,3) [13]. Về nhóm số lần tổn thương 1 - 5 lần ở sinh viên chuyên ngành điều dưỡng hộ sinh ít hơn sinh viên chuyên ngành điều dưỡng đa khoa bằng 0,85 lần, sự khác biệt đó có ý nghĩa thống kê với $p = 0,008 < 0,05$, $PR = 0,85$ và KTC 95% là 0,74 - 0,98. Tuy nhiên, về nhóm lần tổn thương 1 - 5 lần ở điều dưỡng hộ sinh tuy ít hơn so với điều dưỡng đa khoa nhưng lại nhiều hơn 11,3 lần so với nhóm tổn thương > 5 lần ở sinh viên điều dưỡng đa khoa. Sự khác biệt này có thể được giải thích bởi sinh viên năm thứ 3 có ít kinh nghiệm thực hành lâm sàng hơn 2 học kỳ so với sinh viên năm thứ 4; có nhiều kiến thức lý thuyết, kỹ thuật chuyên môn và thực hành trên mô hình chưa học [11].

Nghiên cứu đã tìm ra mối liên quan giữa tỷ lệ sinh viên đã từng bị tổn thương do VSN ở chuyên ngành hộ sinh bằng 1,51 lần so với nhóm sinh viên chuyên ngành đa khoa, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$ và KTC 95% là 1,30 - 1,76 và tỷ lệ sinh viên điều dưỡng

đã từng bị tổn thương do vật sắc nhọn có đi làm thêm về lĩnh vực chuyên ngành tại phòng khám hoặc cơ sở y tế bằng 1,23 lần so với nhóm sinh viên không đi làm thêm, sự khác biệt đó có ý nghĩa thống kê với $p = 0,032 < 0,05$ và KTC 95% là 1,06 -1,43.

5. KẾT LUẬN

Có 73,18% sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 đã từng bị tổn thương VSN trong thực hành lâm sàng trong đó nhóm tổn thương từ 1 - 5 lần chiếm 69,73% và > 5 lần chiếm 3,45%. Kết quả nghiên cứu đã tìm thấy 4 mối liên quan bao gồm thực trạng tổn thương do VSN và nhóm số lần tổn thương do VSN với đặc điểm của đối tượng nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế, Hướng dẫn tiêu an toàn trong các cơ sở khám chữa bệnh (Ban hành kèm theo Quyết định số: 3671/QĐ-BYT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ Y tế). Bộ Y tế, 2012.
2. Abd-Ellatif, Z., F. Radi, and H. Abdel Mowla, Prevention of NeedleStick and Sharp Objects Injuries among Internship Nursing Students during their Clinical Exposure: An Educational Program at Assiut University Hospitals, Egypt. *Journal of Nursing and Health Science*, 2018. 7(2): p. 93-100.
3. Liu, C., et al., Influencing factors for needlestick injuries in student nurses. *Zhonghua lao dong wei sheng zhi ye bing za zhi= Zhonghua laodong weisheng zhiyebing zazhi= Chinese journal of industrial hygiene and occupational diseases*, 2015. 33(7): p. 528-531.
4. Nguyễn Thị Tường Vy, Phơi nhiễm và nhận thức sau phơi nhiễm máu và dịch tiết của sinh viên Đại học Y Dược TP.HCM Luận văn tốt nghiệp Bác sĩ Y học Dự phòng. Đại học Y Dược Hồ Chí Minh, , 2014.
5. Nguyễn Văn Nam, Tỷ lệ chấn thương do vật sắc nhọn và các yếu tố liên quan ở sinh viên Điều dưỡng Đại học Y dược TP.HCM Khóa luận tốt nghiệp Bác sĩ Y học dự phòng. Đại học Y Dược Hồ Chí Minh,, 2016.
6. Zhang, X., et al., Needlestick and sharps injuries among nursing students in Nanjing, China. *Workplace health & safety*, 2018. 66(6): p. 276-284.
7. My Thị Hải, Khảo sát vết thương do dụng cụ y tế sắc nhọn gây ra cho sinh viên điều dưỡng thực hành tại bệnh viện. Đại học Y Dược Hồ Chí Minh, tr, 2016: p. 35-36.
8. Nguyễn Thị Mỹ Phương, et al., Thực trạng tổn thương do vật sắc nhọn y tế và các yếu tố liên quan ở sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y dược Cần Thơ năm 2020. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*, 2022(45): p. 14-21.
9. Hambridge, K., Needlestick and sharps injuries in the nursing student population. *Nursing Standard*, 2011. 25(27).
10. Hussain, J., et al., Occupational exposure to sharp instrument injuries among dental, medical and nursing students in Mahatma Gandhi Mission's Campus, Navi Mumbai, India. *J Contemp Dent*, 2012. 2(2): p. 1-10.
11. Nguyễn Thị Mai Thơ and Nguyễn Cảnh Phú, Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến chấn thương do vật sắc nhọn trong thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng trường đại học Y khoa Vinh, năm 2015. 2015.
12. Kurşun, Ş. and S. Arslan, Needlestick and sharp injuries among nursing and midwifery students. *International Journal of Caring Sciences*, 2014. 7(2): p. 661-669.
13. Smith, D.R. and P.A. Leggat, Needlestick and sharps injuries among nursing students. *Journal of advanced nursing*, 2005. 51(5): p. 449-455.